

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S.D
TỈNH T.Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **48/2023/HS-ST**
Ngày: 27/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S.D, TỈNH T.Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hùng.
2. Ông Trần Hữu Lượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D tham gia phiên toà: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S.D, tỉnh T.Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2023/TLST- HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 4 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. L.K.N, sinh ngày 18/3/1985 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; nơi cư trú: Thôn G.H, xã V.L, huyện S.D, tỉnh T.Q; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: L.K.S, sinh năm 1960; con bà: B.T.C, sinh năm 1962; Vợ: K.T.X, sinh năm 1993; Con: Có 2 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2021; Anh, chị, em ruột: có 07 người, bị cáo là con thứ hai.

- Tiền án: Bản án số 107 ngày 28/9/2012 của TAND huyện S.D xử phạt L.K.N 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt 01 năm 03 tháng tù tại bản án số 62 ngày 24/8/2012 của TAND huyện Yên Sơn, tỉnh T.Q. Buộc N phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 03 tháng tù, truy thu số tiền 11.000.000đ và phải nộp 200.000đ án phí HSST. Ngày 27/5/2017, N chấp hành xong hình phạt tù (theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 565/GCN ngày 27/5/2017 của Trại giam Q Tiên).

Ngày 13/02/2014, N đã nộp 200.000đ án phí HSST. Chưa thi hành phần truy thu số tiền phạm tội sung công quỹ nhà nước.

- Tiền sự:

+ Q định xử phạt vi phạm hành chính số 17 ngày 03/4/2022 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh T.Q đối với L.K.N về hành vi đánh bạc, phạt tiền 2.000.000đ. Ngày 05/4/2022, N đã nộp phạt xong.

+ Q định xử phạt vi phạm hành chính số 000269 ngày 08/9/2022 của Công an phường Đội Cấn, thành phố T.Q đối với L.K.N về hành vi gây mất trật tự tại trụ sở cơ quan, tổ chức. N chưa thi hành.

- Về nhân thân:

+ Bản án số 51 ngày 16/8/2012 của TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xử phạt L.K.N 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, truy thu số tiền 3.000.000đ sung quỹ nhà nước và phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Ngày 05/10/2012, Chi cục THA dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ có Q định ủy thác số 01 cho Chi cục THA dân sự huyện S.D, tỉnh T.Q thi hành truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 3.000.000đ của L.K.N. Trong Q định ủy thác số 01 thể hiện N đã nộp 200.000đ án phí HSST. Ngày 21/01/2021, TAND huyện S.D Q định miễn nghĩa vụ thi hành án đối với N, miễn truy thu số tiền 3.000.000đ (Q định đình chỉ THA số 37 ngày 18/02/2021 của Chi cục THA dân sự huyện S.D).

+ Bản án số 62 ngày 24/8/2012 của TAND huyện Yên Sơn, tỉnh T.Q xử phạt L.K.N 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bồi thường cho bị hại ông Đào Minh Hồng số tiền 1.195.000đ; truy thu số tiền 2.500.000đ và phải nộp 200.000đ án phí HSST và 200.000đ án phí DSST.

Ngày 14/02/2014, N thi hành xong phần án phí HSST và án phí DSST. Ngày 05/3/2019, N được miễn nghĩa vụ thi hành khoản tiền truy thu theo Q định miễn nghĩa vụ thi hành án số 04 ngày 05/3/2019 của TAND huyện S.D và Q định đình chỉ thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.D.

+ Bản án số 47 ngày 25/9/2012 của TAND huyện Hàm Yên, tỉnh T.Q xử phạt L.K.N 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bồi thường cho bị hại ông Đặng Văn Tiếp số tiền 4.000.000đ; truy thu số tiền 2.500.000đ và phải nộp 200.000đ án phí HSST và 200.000đ án phí DSST.

Ngày 14/02/2014, N thi hành xong phần án phí HSST và án phí DSST. Ngày 31/01/2020, N được miễn nghĩa vụ thi hành khoản tiền truy thu theo Q định miễn nghĩa vụ thi hành án số 08 ngày 31/01/2020 của TAND huyện S.D và Q định đình chỉ thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.D.

Đối với phần dân sự của bản án, do người được thi hành án chưa có đơn đề nghị tiếp tục thi hành án nên N không phải thi hành.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.Q.

2. L.K.L, sinh ngày 10/10/2000 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; nơi cư trú: Thôn G.H, xã V.L, huyện S.D, tỉnh T.Q; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn:

11/12; Con ông: L.K.S, sinh năm 1960; con bà: B.T.C, sinh năm 1962; Vợ, con chưa có; Anh, chị, em ruột: có 07 người, bị cáo là con thứ bảy.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Về nhân thân: Ngày 18/6/2021, Công an huyện S.D xử phạt vi phạm hành chính số 212 đối với L.K.L về hành vi Đánh bạc, phạt tiền 1.500.000đ. Ngày 15/12/2021, L đã thi hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.Q.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh H.V.Q, sinh năm 1992; trú tại: Thôn T.T, xã T.T, huyện S.D, tỉnh T.Q. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 08/12/2022, L.K.N điện thoại rủ L.K.L (em ruột N) đi trộm cắp để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, L đồng ý. Sau đó N mượn xe mô tô HONDA Wave của người quen tên Hiền (không xác định được họ, địa chỉ ở thành phố T.Q) đến nhà nghỉ Hoa Lan thuộc xã V.L, huyện S.D để đón L đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi cả hai đi đến khu vực đồi chè thuộc thôn T.T, xã T.T, huyện S.D thì thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 22S1-194.04 dựng ở lề đường, không có người trông coi, quản lý nên cả hai nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Sau đó, L cảnh giới để N lấy trộm xe. N lấy 01 chông phá khóa bằng kim loại hình chữ T mở ổ khóa điện của xe mô tô biển kiểm soát 22S1-194.04, khởi động và điều khiển xe mang về cất giấu sau bếp nhà anh Lê Kim Hoi (anh trai N, nhà không có người ở) tại thôn G.H, xã V.L, huyện S.D. Sau đó N tháo biển kiểm soát và 02 gương chiếu hậu của xe bỏ sau nhà N.

Khoảng 19 giờ ngày 09/12/2022, N sợ bị phát hiện nên đã điều khiển xe mô tô đã trộm cắp đến khu vực bờ sông xã Cấp Tiến, huyện S.D bỏ ở đó.

Ngày 13/12/2022, anh H.V.Q trình báo sự việc đến Công an huyện S.D. Cùng ngày anh Trần Văn Đức, trú tại thôn Phú Lương, xã Cấp Tiến, huyện S.D đi đánh cá phát hiện 01 xe mô tô không có biển kiểm soát ở khu vực tả luy bờ sông thuộc thôn Cây Xi, xã Cấp Tiến, huyện S.D và giao nộp xe cho Công an xã Cấp Tiến. Ngày 14/12/2022, N đến nhà anh Q để thỏa thuận dân sự.

Tại Kết luận định giá số 86/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 15/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện S.D kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn xanh đen bạc, BKS 22B1-194.04 tại thời điểm bị trộm cắp trị giá 8.000.000đ (*tám triệu đồng*).

Cáo trạng số 42/CT-VKSSD, ngày 16/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố L.K.N, L.K.L về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên Q định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo L.K.N, L.K.L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L.K.N từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L.K.L từ 08 tháng đến 11 tháng tù.

- Về phần dân sự: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của các bị cáo buộc anh H.V.Q phải hoàn trả lại cho bị cáo N số tiền chênh lệch tài sản trộm cắp theo kết quả định giá tài sản là 20.000.000đ.

Không đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX buộc các bị cáo nộp tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo L.K.N, L.K.L thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội giữa các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo N khai: Bị cáo là người rủ L cùng thực hiện hành vi trộm cắp, là người chuẩn bị công cụ và trực tiếp vào trộm cắp xe. L chỉ là người giúp sức cảnh giới cho bị cáo. Ngay sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã vay mượn tiền để trả cho bị hại, nay bị cáo thấy số tiền bồi thường quá cao so với kết luận định giá nên bị cáo đề nghị bị hại trả lại cho bị cáo 20.000.000đ.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người bị hại; căn cứ vào Biên bản khám nghiệm, xác minh hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các kết luận định giá và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 08/12/2022, tại khu vực đồi chè thuộc thôn T.T, xã T.T, huyện S.D, tỉnh T.Q, L.K.N và L.K.L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn xanh đen bạc, BKS 22S1-194.04 tại thời điểm bị trộm cắp trị giá 8.000.000đ của anh H.V.Q, trú tại thôn T.T, xã T.T, huyện

S.D. Trong đó N là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, L là người giúp sức, cảnh giới.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D truy tố L.K.N, L.K.L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây bất bình trong dư luận xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân các bị cáo đều là đối tượng lười lao động, để có tiền chi tiêu cá nhân các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, phân công, sắp xếp cụ thể cho từng bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp trộm cắp tài sản, L là người giúp sức, cảnh giới. Do vậy cần xử bị cáo N mức án cao hơn bị cáo L như vậy mới tương xứng với hành vi của bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo L.K.N bị áp dụng tình tiết tái phạm theo quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L được hưởng thêm tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo trong mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị như vậy là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định các bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Các bị cáo L.K.N, L.K.L đã bồi thường cho anh H.V.Q số tiền 30.000.000đ.

Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt nhưng lời khai có trong hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt anh Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét buộc anh Q cho các bị cáo xin lại 20.000.000đ mà các bị cáo đã bồi thường cho anh Q. Vì thực tế sau khi trộm cắp tài sản, ngày 14/12/2022 các bị cáo đã đến nhà bị hại xin được bồi thường vì lúc đó không biết xe đã được tìm thấy và không biết giá trị thực của chiếc xe các bị cáo đã trộm cắp, nay các bị cáo biết chiếc xe máy theo kết quả định giá tài sản chỉ có 8.000.000đ, chênh lệch quá cao so với số tiền các bị cáo đã bồi thường, anh Q cũng đã nhận lại xe máy bị mất. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn phải đi vay mượn mới có tiền bồi thường, nên các bị cáo nhất trí bồi thường cho anh Q 10.000.000đ, số tiền 20.000.000đ đề nghị anh Q cho các bị cáo xin lại và đề nghị trả lại cho bị cáo N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Kết luận định giá số 86/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 15/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện S.D kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn xanh đen bạc, BKS 22B1-194.04 tại thời điểm bị trộm cắp trị giá 8.000.000đ (*tám triệu đồng*). Ngày 14/12/2022, các bị cáo đã bồi thường cho anh Q 30.000.000đ. Như vậy số tiền các bị cáo đã bồi thường chênh lệch so với tài sản bị trộm cắp là 22.000.000đ. Mặc dù việc các bị cáo bồi thường cho người bị hại là tự nguyện, nhưng do lúc đó các bị cáo không biết giá trị xe, không biết tài sản bị mất đã được tìm thấy. Do vậy, đề nghị của các bị cáo là phù hợp nên chấp nhận đề nghị của các bị cáo. Buộc anh H.V.Q có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị cáo L.K.N số tiền tiền bồi thường vượt quá giá trị tài sản bị mất là 20.000.000đ.

[6] Về tố tụng: Hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền anh Q phải hoàn trả cho bị cáo N là tiền bồi thường vượt quá giá trị tài sản bị mất không phải tiền cho vay, tiền bồi thường nên anh Q và bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 173; Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ: 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ: Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Tuyên bố: Các bị cáo L.K.N, L.K.L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt đối với các bị cáo:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **L.K.N 01** (*một*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (15/12/2022).

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **L.K.L 09** (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (15/12/2022).

2. Về phần dân sự:

Anh H.V.Q có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị cáo L.K.N số tiền tiền bồi thường vượt quá giá trị tài sản bị trộm cắp là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Khoản tiền anh Q phải hoàn trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị cáo N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải hoàn trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo L.K.N, L.K.L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Hùng - Trần Hữu Lượng

Hoàng Thị Minh Khánh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.Q;
- VKSND tỉnh T.Q;
- VKSND huyện S.D;
- Công an huyện S.D;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã V.L;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Hùng – Trần Hữu Lượng

Hoàng Thị Minh Khánh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.Q;
- VKSND tỉnh T.Q;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- VKSND huyện S.D;
- Công an huyện S.D;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Khánh